



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK
NĂM 2015

MỤC LỤC

| | |
|---|----------|
| Phần I – Thông tin chung | trang 3 |
| Phần II – Tình hình hoạt động trong năm | trang 14 |
| Phần III – Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc | trang 17 |
| Phần IV – Đánh giá của HĐQT về hoạt động Công ty | trang 20 |
| Phần V – Quản trị Công ty | trang 21 |
| Phần VI – Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán | trang 24 |

PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin giới thiệu Công ty

- ❖ Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**
- ❖ Tên giao dịch: **VINALINK**
- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0301776205
- ❖ Mã chứng khoán: **VNL**
- ❖ Trụ sở chính: 145-147 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 3825 5389 - Fax: (84-8) 3940 5331
Email: headoffice@vinalinklogistics.com
- ❖ Website: www.vinalinklogistics.com
- ❖ Vốn điều lệ: 90.000.000.000 VNĐ
- ❖ Vốn thực góp: 90.000.000.000 VNĐ

2. Quá trình hình thành, phát triển và các sự kiện quan trọng

Năm 1998:

- ❖ Công ty Vinatrans thành lập Xí nghiệp Đại lý Vận tải và Gom hàng với tên giao dịch là **Vinaconsol.**

Năm 1999:

- ❖ 24/6 Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành Quyết định số 0776/1999/QĐ-BTM phê duyệt Phương án cổ phần hóa một bộ phận DNNN Vinatrans, chuyển Xí nghiệp Đại lý vận tải và gom hàng thành Công ty cổ phần Giao nhận vận tải và thương mại, tên giao dịch: **Vinalink**; vốn điều lệ 8 tỷ VND (nhà nước giữ 10%); chuyên kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho bãi, văn phòng, XNK....
- ❖ 16/7 Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty hợp thông qua điều lệ , cơ cấu tổ chức bộ máy, bầu HĐQT và BKS ... Theo đó cơ cấu tổ chức bộ máy cty bao gồm:
 - Ban Giám đốc.
 - Phòng Đại lý vận tải và gom hàng.
 - Phòng Đại lý hãng tàu Hapag - Lloyd.
 - Kho 145 Nguyễn Tất Thành.
 - Phòng Kế toán - Hành chính.
- ❖ 01/9 Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân đã đăng ký với Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM ngày 31/7.

Năm 2000:

- ❖ 07/3 Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt nam VIFFAS.
- ❖ 05/4 Vinalink trở thành hội viên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam VCCI.
- ❖ 24/6 Tổ chức đánh giá quốc tế DNV (Na uy) chứng nhận Vinalink thực hiện hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002, nay là ISO 9001 : 2000.

Năm 2001:

- ❖ 01/01 Phòng Giao nhận hàng hàng không được thành lập và chính thức hoạt động tại văn phòng A8 Trường Sơn, Q.Tân bình , sau chuyển về 44 Trường sơn Q.Tân bình.
- ❖ 01/9 Phòng Logistics được thành lập và chính thức hoạt động.

Năm 2002:

- ❖ Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận quốc tế FIATA.
- ❖ 13/5 Công ty tăng vốn điều lệ lên gấp 3 lần , vốn điều lệ mới là 24 tỷ VND.

Năm 2003:

- ❖ Tháng 6 Vinalink góp vốn trở thành 1 trong 3 bên phía Việt nam trong công ty liên doanh vận tải Việt - Nhật (Konoike Vina).
- ❖ Tháng 10: Vinalink cùng Freight Consolidators Pte.Ltd. (Singapore) thành lập công ty liên doanh Đại lý vận chuyển FC (Vietnam) chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không quốc tế như British Airways, Royal Brunei Airlines...

Năm 2004:

- ❖ Văn phòng công ty tại Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (Bình Dương) chính thức hoạt động
- ❖ Tháng 9 Công ty kỷ niệm 5 năm hoạt động và đón nhận Huân chương Lao động hạng ba do Chủ tịch nước thưởng về những thành tích xuất sắc trong 5 năm 1999 - 2003, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- ❖ 11/10 Tổng cục Hải quan cấp phép thành lập Kho ngoại quan Vinalink tại 145 Nguyễn Tất Thành. Tháng 12 Kho ngoại quan Vinalink tiếp nhận lô hàng đầu tiên của khách hàng Schneider Electric Overseas Asia Pte.Ltd.
- ❖ Tháng 12, Vinalink tham gia thành lập Công ty TNHH 3 thành viên vận tải ô tô V-Truck.

Năm 2005:

- ❖ 01/01 Chi nhánh công ty tại Hà Nội chính thức hoạt động tại số 2 Bích Câu, Q.Đống Đa. Từ đầu năm 2006 chuyển về tầng 11 cao ốc 14 Láng Hạ, Q. Ba Đình và hiện nay Văn phòng đang hoạt động tại tầng 6 cao ốc 14 Láng Hạ
- ❖ 01/4 Công ty TNHH RCL (Vietnam) - công ty liên doanh giữa Vinalink (45% vốn), SGN và Hãng tàu RCL (Singapore) chính thức hoạt động.
- ❖ 01/8 Công ty TNHH Hapag - Lloyd (Vietnam) - công ty liên doanh giữa Vinalink và Hãng tàu Hapag-Lloyd (Đức) chính thức hoạt động.
- ❖ Tháng 8 công ty tăng vốn điều lệ lên 36 tỷ VND.
- ❖ 15/9 Bộ Giao thông vận tải cấp phép kinh doanh vận tải đa phương thức cho Vinalink.

Năm 2006

- ❖ Từ 04/9 chính thức triển khai dịch vụ chuyển phát nhanh nội địa -Vinalink Express.
- ❖ Tháng 10/2006 Công ty được Bộ Khoa học và công nghệ trao tặng Cúp vàng ISO - giải thưởng dành cho các đơn vị có thành tích xuất sắc trong việc áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế vào hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Năm 2007

- ❖ 24/10/2007 UBND TP.HCM cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho CÔNG TY TNHH ĐIỀU HÀNH VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA LIÊN KẾT, tên giao dịch là LCM.CO.LTD- Đây là công ty liên doanh giữa Vinalink và Freight Consolidators Pte.Ltd. (Singapore), chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế. LCM.Co.Ltd đã được hãng hàng không Cargolux Airlines (Luxembuorg) chỉ định làm tổng đại lý hàng hóa (GSA) tại Việt nam .

Năm 2008

- ❖ Triển khai dịch vụ đường sắt từ Việt Nam đi Kazakhstan, Uzbekistan, Mông Cổ, Nga,...
- ❖ Tháng 10 : Vinalink được trao Giải thưởng –Cúp vàng “*Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam*” năm 2008 do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam, Trung tâm thông tin Tín dụng – NHNN, Tạp chí Chứng khoán –UBCKNN và 1 số cơ quan chức năng tổ chức bình chọn và trao tặng.

Năm 2009

- ❖ Ngày 17/08/2009, Chứng khoán của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán TPHCM (HOSE) với Mã Chứng khoán **VNL**
- ❖ 01/10/2009 Chi nhánh công ty tại Hải Phòng chính thức hoạt động
- ❖ Ngày 11/10/2009: Vinalink nhận Giải thưởng –Cúp vàng “*Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam*” năm 2009.

- ❖ Ngày 31/10/2009 Công ty vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước thưởng về những thành tích xuất sắc trong 10 năm 1999 – 2009

Năm 2010

- ❖ Depot Vinalink chính thức hoạt động từ ngày 01/06/2010
- ❖ 17/12/2010 Bộ Thương mại Vương quốc Cambodia đã cấp Giấy phép hoạt động cho VPĐD của cty tại Phnompenh

Năm 2011

- ❖ 06/05/2011 Tham gia thành lập Công ty cổ phần Logistics Kim Thành (Lào Cai), ngày 11/11/2011 Trung tâm Logistics Kim Thành chính thức khởi công xây dựng dưới sự chứng kiến của Lãnh đạo tỉnh Lào Cai, Bộ Công Thương và Lãnh đạo, doanh nhân tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).
- ❖ Ngày 16/07 nhân ngày thành lập Công ty, chính thức giới thiệu Hệ thống nhận diện thương hiệu mới, bao gồm:

| | |
|------------|--|
| Logo: |  |
| Tên miền: | headoffice@vinalinklogistics.com |
| Trang Web: | www.vinalinklogistics.com |

- ❖ Cuối năm 2011 theo kết quả đánh giá của Cty cổ phần đánh giá Việt nam Công ty thuộc TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất (FAST 500) và TOP 1000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt nam, TOP 100 doanh nghiệp có chỉ số tín nhiệm cao về mức độ uy tín thương hiệu, chất lượng dịch vụ luôn hướng đến sự thỏa mãn của khách hàng theo quy trình đánh giá nhà cung cấp TQS.

Năm 2012 :

- ❖ Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong công ty TNHH Hapag Lloyd (Vietnam) cho phía nước ngoài từ 01/6/2012 .
- ❖ 12/2012 Nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích trong hoạt động kinh doanh các năm 2009-2011.

Năm 2013

Ngày 4/1/2013, Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia) đã được Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp giấy phép thành lập với nội dung như sau:

- Tên công ty: **Vinalink Logistics (Cambodia) Co., Ltd.**
- Số đăng ký với Bộ Thương mại: Co.3199E/2012, ngày 24/12/2012
- Loại hình công ty: Công ty TNHH Một thành viên
- Vốn đầu tư: USD25,000 (100.000.000 riel)

Năm 2014

Vinalink thay đổi tên mới kể từ ngày 24/5/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0301776205 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư TPHCM cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 22 / 5/2014

- Tên công ty trước khi thay đổi : CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
- Tên công ty sau khi thay đổi : **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**
- Tên viết tắt : **VINALINK**

3. Ngành nghề kinh doanh chính

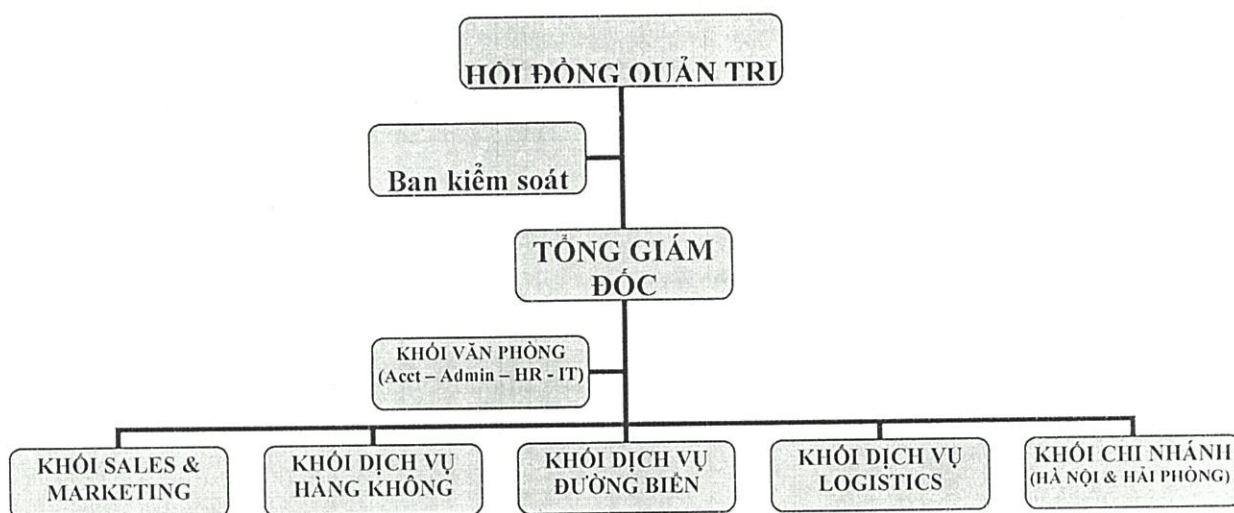
| Mã ngành, nghề kinh doanh | Tên ngành, nghề kinh doanh |
|---------------------------|--|
| 1322 | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) Chi tiết: Gia công quần áo và hàng gia dụng bằng nylon - nhựa PVC. Gia công hàng dệt may (không tẩy, nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở). |
| 5012 | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển) |
| 5022 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển) |
| 5210 (Chính) | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kinh doanh: kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa. |
| 5222 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển) |
| 5224 | Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không) |
| 5229 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ: giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan. Đại lý tàu biển, đại lý: lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu. Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài. Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo qui định của pháp luật. Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không). Đại lý vận tải hàng hóa hàng không. Gửi hàng |
| 3290 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Gia công nút áo bằng vỏ sò, đồ gỗ (trừ chế biến gỗ tại trụ sở) |
| 4312 | Chuẩn bị mặt bằng |
| 4610 | Đại lý, môi giới, đấu giá chi tiết: Đại lý. |

| | |
|------|---|
| 4933 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải nội địa và quá cảnh (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển) |
| 8299 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ : tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện |
| 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Kinh doanh nhà. |
| 7710 | Cho thuê xe có động cơ |
| 7730 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác |

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Ban Giám đốc: gồm Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng
- 1 địa điểm kinh doanh, 1 VPĐD và 1 depot
- 2 chi nhánh (tại Hà Nội & Hải Phòng)
- 1 công ty con tại Campuchia
- 3 Khối kinh doanh, 1 Khối Văn phòng

4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý



4.2. Các chi nhánh và văn phòng kinh doanh

- ❖ Công ty con : Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)
- ⚡ Địa chỉ: Regency, Complex C, Ground Floor, Unit 10-11C / 168 Samdach Monireth Boulevard (St. 217), Sangkat Tomnubteuk, Khan Chamkamon, Phnom Penh, Kingdom of Cambodia
ĐT: (855) 2396 7979 – Fax: (855) 2399 7139
Email: pnh@vinalinklogistics.com

❖ Chi nhánh Công ty :

↓ Hà Nội: Chi nhánh Công ty CP Logistics Vinalink (Vinalink Hà Nội)

Lầu 6 – Cao ốc 14 Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

ĐT: (84-4) 3772 4234 – Fax: (84-4) 3772 4235

Email: han@vinalinklogistics.com

↓ Hải Phòng: Chi nhánh Công ty CP Logistics Vinalink tại Hải Phòng

72 đường Chùa Vẽ, khu Thượng Đoạn, Đông Hải 1, Q. Hải An, Hải Phòng

ĐT: (84-31) 397 9582 – Fax: (84-31) 397 9583

Email: hph@vinalinklogistics.com

❖ Địa điểm kinh doanh

Địa điểm kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải hàng không

44 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

ĐT : (84-8) 3848 7252 Fax : (84-8) 3848 7250

Email : sgn-air@vinalinklogistics.com

❖ VPGD của Công ty :

↓ Bình Dương: #01-15, số 2, đường số 3, KCN VSIP, Bình Dương

ĐT: (84-650) 3784 407 – Fax: (84-650) 3784 408

Email: bdq@vinalinklogistics.com

↓ Cần Thơ : 181 Võ Văn Kiệt, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

ĐT & Fax : (84-710) 3894 581

Email : vnlcantho@vinalinklogistics.com

↓ Depot Vinalink :

Số 7 Xa lộ Hà Nội, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

Tel (84-8) 3742 5272 – Fax: (84-8) 3742 5273

Email: depot@vinalinklogistics.com

4.3. Các công ty đầu tư - liên kết

| STT | Tên công ty | Vốn đầu tư | Tỷ lệ /VDL | Ghi chú |
|-----|---|---------------|------------|---------|
| 1 | Cty TNHH Logistics Vinalink (Cambodia) | 526,750,000 | 100% | - |
| 2 | Cty LD RCL (VN) | 2,130,300,000 | 45% | - |
| 3 | Cty LD FC (VN) | 3,680,051,500 | 51% | - |
| 4 | Cty TNHH Vận tải Việt – Nhật (Konoike Vina) | 4,908,430,302 | 9.15% | - |

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

| | | | | |
|---|----------------------------|----------------|--------|-------------------------|
| 5 | Cty LD LCM (VN) | 1,927,800,000 | 30% | - |
| 6 | Cty CP Vinatrans Danang | 4,392,000,000 | 29.28% | - |
| 7 | Cty CP Logistics Kim Thành | 18,220,589,000 | 30% | Đang xây dựng kho bãi . |
| 8 | Cty CP Vận chuyển Vinalink | 2,000,000,000 | 40% | |

4.4. Tổ chức và nhân sự :

a) Danh sách Ban Giám đốc

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ CP nắm giữ/VĐL | |
|-----|---------------------|----------------------------------|----------------------|------------|
| | | | 01/01/2015 | 31/12/2015 |
| 1 | Ông Nguyễn Nam Tiến | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 1% | 1% |
| 2 | Ông Đinh Quang Ngọc | UV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc | 0.13% | 0.13% |
| 3 | Bà Nguyễn Anh Nam | Quyền Kế toán trưởng Cty | | 0.028% |

b) Thay đổi trong Ban Giám đốc :

- Bà Trần Thị Bình thôi giữ chức Kế toán trưởng Công ty từ 01/09/2015 để chuẩn bị nghỉ hưu.
- Bà Nguyễn Anh Nam giữ chức Quyền Kế toán trưởng Công ty từ 01/09/2015.

c) Tóm tắt lý lịch Ban Giám Đốc

Họ và tên: Nguyễn Nam Tiến - Tổng giám đốc
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 06/02/1958
Nơi sinh: Nam Định
CMND: 023132098 – cấp ngày 04/08/2005 tại CA TP. HCM
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Nam Định
Địa chỉ thường trú: 111 Trần Minh Quyền, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc: (08) 39401 456
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán , Cao cấp chính trị

Quá trình công tác

- + 1980 -1982 là cán bộ giảng dạy tại Đại học Tài chính kế toán (Hà Nội)
- + 1982-1985 phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.
- + 1985-1989 công tác tại Tổng Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương (Vietrans) với chức danh Phó phòng Kế toán.
- + 1989 -1999 công tác tại Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh (Vinatrans) với chức danh Phó phòng kế toán, Trưởng phòng Tổng hợp, Phó Giám đốc Công ty.
- + 9/1999 đến nay là Giám đốc Công ty Vinalink, từ 4/2008 là Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ mới (19/4/2008).

| | |
|--|---|
| <i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i> | + Chủ tịch Hội đồng quản trị + Tổng giám đốc |
| <i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i> | + Phó Chủ tịch HĐQT Cty TNHH F.C (Vietnam) + Phó Chủ tịch HĐQT Cty TNHH LCM (Vietnam) + Ủy viên HĐQT Cty cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng). + Chủ tịch HĐQT Cty cổ phần Logistics Kim Thành + Chủ tịch HĐQT Cty cổ phần Vận chuyển Vinalink |
| <i>Số cổ phần nắm giữ :</i> | 89.560 cổ phần, chiếm 1,00% vốn thực góp |
| + <i>Đại diện sở hữu :</i> | Không |
| + <i>Cá nhân sở hữu :</i> | 89.560 cổ phần, chiếm 1,00% vốn thực góp |
| <i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i> | Không |
| <i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i> | Không |
| | |
| <i>Họ và tên:</i> | Đình Quang Ngọc - Phó Tổng giám đốc |
| <i>Giới tính:</i> | Nam |
| <i>Ngày tháng năm sinh:</i> | 29/09/1976 |
| <i>Nơi sinh:</i> | Hải Phòng |
| <i>CMND:</i> | 012295821 – cấp ngày: 27/02/2003, tại CA TP. Hà Nội |
| <i>Quốc tịch:</i> | Việt Nam |
| <i>Dân tộc:</i> | Kinh |
| <i>Quê quán:</i> | Hà Nội |
| <i>Địa chỉ thường trú:</i> | 10/170 Ngõ 194 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội |
| <i>Số ĐT liên lạc:</i> | (04) 37724234 |
| <i>Trình độ văn hóa:</i> | 12/12 |
| <i>Trình độ chuyên môn:</i> | Đại học Ngoại thương, Cao học Quản trị Kinh doanh (Úc) |
| | |
| <i>Quá trình công tác</i> | |
| + 1999 – 2005 công tác tại Công ty Vinatrans Hà Nội với chức danh Trưởng phòng Nhập Đường Biển. | |
| + 2005 - đến nay công tác tại Công ty Vinalink với chức danh Giám đốc chi nhánh Hà Nội. | |
| + 03/2008 – đến nay công tác tại Công ty Vinalink với chức danh Phó Giám Đốc Công ty (nay là Phó Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ mới). | |
| <i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i> | Phó Tổng giám đốc |
| <i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i> | + Ủy viên HĐQT Cty cổ phần Logistics Kim Thành + Ủy viên HĐQT Công ty TNHH FC (Vietnam) + Ủy viên HĐQT Công ty TNHH LCM (Vietnam) |
| <i>Số cổ phần nắm giữ :</i> | 11.640 cổ phần, chiếm 0,13% vốn thực góp |
| + <i>Đại diện sở hữu :</i> | Không |
| + <i>Cá nhân sở hữu :</i> | 11.640 cổ phần, chiếm 0,13% vốn thực góp |
| <i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i> | Không |
| <i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i> | Không |

Họ và tên: NGUYỄN ANH NAM
 Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 13/05/1978
 Nơi sinh: Nha Trang – Khánh Hòa
 CMND: 225587728 cấp ngày 04/12/2012 tại CA tỉnh Khánh Hòa
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 214/7 Trần Quý Cáp, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hòa
 Số ĐT Công ty: (84-8) 38255389 Điện thoại di động : 0942367984
 Địa chỉ email : namna@vinalinklogistics.com
 Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế chuyên ngành Kế toán Kiểm toán

Quá trình công tác

- + Từ 01/01/2005 đến 31/12/2011 : Nhân viên Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Logistics Vinalink.
- + Từ 01/01/2012 đến 31/08/2015 : Phó Trưởng phòng Kế toán – Khối Văn phòng Công ty Cổ phần Logistics Vinalink.

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Quyền Kế toán trưởng

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)

Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm xxx) : 2500 cổ phần, chiếm 0.028 % vốn thực góp

+ Đại diện sở hữu : Không

+ Cá nhân sở hữu : 2500 cổ phần, chiếm 0.028 % vốn thực góp

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

4.5. Số lượng cán bộ, nhân viên toàn Công ty : 360 người.

5. Định hướng phát triển :

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Là một doanh nghiệp logistics hàng đầu ở Việt Nam, Vinalink coi việc tổ chức và thực hiện hoạt động kinh doanh không chỉ là việc tiếp nhận, cung cấp dịch vụ logistics và các dịch vụ liên quan khi có yêu cầu và theo thỏa thuận. Trong bối cảnh thị trường giao nhận vận tải & logistics ngày càng phát triển và hội nhập nhanh với thị trường khu vực và thế giới, cạnh tranh ngày càng lớn, tính chuyên nghiệp ngày càng cao; hoạt động của công ty được tổ chức và thực hiện trên cơ sở các kết nối nội bộ, kết nối với các khách hàng, đối tác trong và ngoài nước để đạt mục đích là mang lại thành công cho tất cả.

5.2. Chiến lược - kế hoạch đầu tư phát triển trung và dài hạn:

- ↓ Phát triển các dịch vụ kinh doanh chủ lực, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng hàng năm : tiếp tục củng cố giữ vững thị phần của các dịch vụ Đường biển và Hàng không quốc tế; chú trọng các dịch vụ logistics trọn gói và dự án, phát triển dịch vụ với thị trường Campuchia; dịch vụ vận chuyển và cung ứng nội địa.
- ↓ Củng cố các thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới.
- ↓ Tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực logistics.
- ↓ Nâng cao chất lượng, năng lực và tính chuyên nghiệp của nguồn nhân lực.
- ↓ Tăng cường công tác marketing và phát triển thương hiệu,
- ↓ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh và tăng năng suất lao động.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng :

- Phát triển dịch vụ tạo việc làm và thu nhập ổn định, tạo cơ hội phát triển cá nhân cho người lao động; xây dựng văn hóa công ty tạo môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả, đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội xây dựng cộng đồng.
- Các hoạt động kinh doanh và dịch vụ đều khuyến khích người lao động tích cực có những hoạt động thiết thực góp phần bảo vệ môi trường : xử lý rác thải đúng quy định, tiết kiệm nhiên liệu, điện, nước.

6. Các rủi ro :

Hoạt động dịch vụ Logistics hiện tại có những rủi ro như :

- Rủi ro từ chính sách, quy định luôn thay đổi nhưng không phải thay đổi nào cũng tạo thuận lợi hơn cho kinh doanh.
- Rủi ro từ khách hàng và đại lý trong việc thanh toán do phần lớn các dịch vụ được tiến hành trên cơ sở hợp đồng không có thể chấp.
- Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro từ các công cụ tài chính, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ, rủi ro do cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ tăng cao.

PHẦN II – TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng Doanh thu : 747,268 tỷ đồng, bằng 111.80 % năm 2014

Lãi trước thuế : 44.32 tỷ đồng, bằng 71.60 % năm 2014

Lãi sau thuế : 36.63 tỷ đồng, bằng 73 % năm 2014

Số liệu kết quả kinh doanh lãi trước và sau thuế giảm so với năm 2014 do trong năm 2014 phát sinh khoản lãi bất thường 30,36 tỷ đồng do chuyển nhượng cổ phần tại cty VNT; mặt khác tiền thuê đất tại 145-147 do không được giảm 50% như năm trước nên chi phí kinh doanh tăng thêm 2,7 tỷ đồng .

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn:

Không phát sinh

Các công ty con, công ty liên kết:

| STT | Tên công ty | Vốn đầu tư | Tỷ lệ /VDL | Lợi nhuận cho Vinalink |
|-----|---|----------------|------------|-------------------------------|
| 1 | Cty TNHH Logistics Vinalink (Cambodia) | 526,750,000 | 100% | 432,683,270 (# USD 19,677) |
| 2 | Cty LD RCL (VN) | 2,130,300,000 | 45% | 1,556,416,496 |
| 3 | Cty LD FC (VN) | 3,680,051,500 | 51% | 2,331,571,397 |
| 4 | Cty TNHH Vận tải Việt – Nhật (Konoike Vina) | 4,908,430,302 | 9.15% | 1,545,151,119 |
| 5 | Cty LD LCM (VN) | 1,927,800,000 | 30% | 5,637,073,426 |
| 6 | Cty CP Vinatrans Danang | 4,392,000,000 | 29.28% | 1,366,578,288 |
| 7 | Cty CP Logistics Kim Thành | 18,220,589,000 | 30% | Đang xây dựng kho bãi . |
| 8 | Cty CP Vận chuyển Vinalink | 2,000,000,000 | 40% | |

3. Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu (ĐVT : triệu đồng) | Năm 2014 | Năm 2015 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|----------|----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 308,025 | 338,874 | 110.02% |
| Doanh thu thuần | 668,370 | 747,268 | 111.80% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 16,829 | 28,407 | 168.80% |
| Lợi nhuận khác | 85 | 24 | 28.24% |

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

| | | | |
|--|--------|--------|--------|
| Lợi nhuận trong cty liên doanh, liên kết | 45,011 | 15,892 | 35.31% |
| Lợi nhuận trước thuế | 61,925 | 44,323 | 71.58% |
| Lợi nhuận sau thuế | 50,172 | 36,636 | 73.02% |

– Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Năm 2014 | Năm 2015 | Đơn vị tính |
|---|----------|----------|-------------|
| <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: | 1.84 | 3.08 | |
| TSLĐ/ Nợ ngắn hạn | | | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: | 1.84 | 3.08 | Lần |
| <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> | | | |
| Nợ ngắn hạn | | | |
| <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 43.42% | 43.93% | % |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 76.73% | 78.36% | |
| <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: | | | |
| <u>Giá vốn hàng bán</u> | | | |
| Hàng tồn kho bình quân | | | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 2.17 | 2.21 | |
| <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 7.51% | 4.90% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 28.79% | 19.28% | % |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 16.29% | 10.81% | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 2.52% | 3.80% | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Khối lượng cổ phần đang niêm yết : 9.000.000 cổ phần

Khối lượng cổ phần đang lưu hành : 9.000.000 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông:

(Số liệu theo danh sách cổ đông chốt ngày 21/3/2016)

5.2.1. Cổ đông trong nước

Tổng số : 459 cổ đông, sở hữu 90.71% cổ phần VNL

- Cá nhân : 451, sở hữu 74.04 % cổ phần VNL

- Tổ chức : 8, sở hữu 16.67% cổ phần VNL

| STT | Danh mục | Cổ phiếu nắm giữ | |
|-----|-------------------------------------|---------------------|---------------|
| | | Số lượng | Tỷ lệ |
| 1 | Cổ đông sở hữu trên 5% CP (1) | 505,540 CP | 5.62% |
| 2 | Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% CP (13) | 2,778,090 CP | 30.87% |
| 3 | Cổ đông sở hữu dưới 1% CP (445) | 4,880,070 CP | 54.22% |
| | Tổng cộng | 8,163,700 CP | 90.71% |

Thông tin về cổ đông nắm giữ trên 5% VDL:

| STT | Tên cổ đông | Địa chỉ | Số CP sở hữu | Tỷ lệ |
|-----|-------------------|-------------------------|--------------|-------|
| 1 | Cty VNT Logistics | 2 Bích Câu, Đống Đa, HN | 505,540 CP | 5.62% |

5.2.2. Cổ đông ngoài nước

Tổng số : 25 sở hữu 9.29% cổ phần VNL

- Cá nhân : 19, sở hữu 3.38% cổ phần VNL

- Tổ chức : 6, sở hữu 5.91% cổ phần VNL

| STT | Danh mục | Cổ phiếu nắm giữ | |
|-----|------------------------------------|-------------------|--------------|
| | | Số lượng | Tỷ lệ |
| 1 | Cổ đông sở hữu trên 5% CP (0) | 0 | 0% |
| 2 | Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% CP (3) | 619,830 CP | 6.89 % |
| 3 | Cổ đông sở hữu dưới 1% CP (22) | 216,470 CP | 2.41 % |
| | Tổng cộng | 836,300 CP | 9.30% |

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không phát sinh

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không phát sinh

5.5. Các chứng khoán khác: Không phát sinh

PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

1.1. Tình hình và kết quả kinh doanh năm 2015 có một số điểm nổi bật như sau:

1. Năm 2015 tình hình kinh tế trong nước và thế giới tiếp tục khó khăn ... tác động làm cho thị trường giao nhận vận tải tiếp tục trầm lắng, nhiều mảng dịch vụ suy giảm. Các quy định mới của Nhà nước trong lĩnh vực vận tải, hải quan ..., tình hình biến động giá cả thị trường nhất là giá nhiên liệu có tác động nhiều chiều với hoạt động giao nhận vận tải, nhất là vận tải container bằng ô tô. Các dịch vụ vận tải quốc tế giảm và mức lãi gộp trên đơn vị dịch vụ giảm nhanh. Từ năm 2015 công ty không còn được giảm 50% tiền thuê đất theo NQ của Chính phủ nên chi phí kinh doanh năm 2015 tăng thêm hơn 2,7 tỷ đồng so với năm trước về khoản tiền thuê đất.
2. Thực hiện phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2015 do ĐHĐCĐ thường niên thông qua, trong năm công ty đã tập trung củng cố và phát triển các dịch vụ chủ yếu truyền thống là airfreight và seafreight, duy trì ổn định các sản phẩm box hàng consol đường biển trong tình hình cạnh tranh gay gắt, kết hợp box xuất với box nhập trong quan hệ với đại lý. Tiếp tục tập trung phát triển thị trường khu vực Đông Á với nhiều đại lý và sản phẩm khách hàng mới có kết quả tích cực, phát triển các dịch vụ hàng quá cảnh và dịch vụ trực tiếp tại thị trường Campuchia, Lào; riêng với thị trường Campuchia sản lượng dịch vụ tăng nhanh (42%) với việc có thêm nhiều đại lý và khách hàng mới từ Campuchia, Việt Nam và một số nước ngoài khác. Trong nước công ty đã tập trung củng cố và đạt được kết quả tăng trưởng tốt khu vực Chi nhánh Hà Nội, các dịch vụ kho, xe vận tải ... đã được khai thác có hiệu quả với hầu hết công suất hiện có. Dịch vụ Logistics, Hàng không tại TP.HCM, Chi nhánh Hà Nội, phát triển khá tốt về kết quả kinh doanh cũng như phạm vi dịch vụ và khách hàng. Hoạt động của Cty Vianlink Logistics Cambodia có kết quả tốt, mức tăng trưởng hơn 200 %.
3. Công tác tổ chức và quản lý kinh doanh trong năm được tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với thực tế; tăng cường chất lượng dịch vụ , quản lý công nợ chặt chẽ, tăng cường hoạt động động giữ khách hàng và sản phẩm dịch vụ. Tiếp tục mở rộng đối tượng khoán thu nhập theo kế quả kinh doanh góp phần thúc đẩy hiệu quả công việc, ổn định đội ngũ nhân sự. Công tác đại lý được chú trọng. Việc tập trung nhân sự sales-marketing vào một mối quản lý triển khai công việc đã có kết quả tích cực, mang lại tính thống nhất, phối hợp và hiệu quả cao hơn .
Đã thành lập thêm các Văn phòng đại diện tại Cần Thơ, Cửa khẩu Hoa Lư (Bình Phước) phục vụ cho các hoạt động phát triển dịch vụ .
4. Kết quả kinh doanh năm 2015 so với năm trước của các công ty liên doanh với nước ngoài, các công ty cổ phần có vốn của công ty đều có kết quả kinh doanh ổn định, riêng các công ty LCM, Konoike có kết quả tăng trưởng tốt.

Một số hạn chế:

- o Nguồn khách hàng sử dụng dịch vụ chưa ổn định vững chắc, phần chủ động còn bị hạn chế - nhất là trong lĩnh vực dịch vụ vận tải quốc tế. Hệ thống đại lý chưa mạnh ở một số thị trường nên giá cả dịch vụ cao ảnh hưởng tới tính cạnh tranh, việc khai thác nguồn lực từ các đại lý còn hạn chế.
- o Về nhân sự, tổ chức và quản lý: việc tuyển dụng bổ sung mới có nhiều khó khăn, nhất là nguồn cho chức danh sales và cán bộ quản lý chủ chốt, chất lượng còn hạn chế, gặp khó khăn trong ổn định nhân sự.
- o Cơ sở vật chất: hệ thống phần mềm nghiệp vụ chưa đáp ứng được các yêu cầu dịch vụ mang tính chuyên nghiệp cao, thiếu kho tàng ở vị trí phù hợp và phương tiện vận chuyển cơ giới làm cơ sở để chào bán dịch vụ cho những khách hàng lớn, nhất là dịch vụ logistics – dịch vụ chuỗi cung ứng, dịch vụ chủ yếu của công ty trong tương lai. Phần lớn các phương tiện làm việc, vận chuyển đều đã cũ, chi phí sửa

chữa bảo dưỡng cao, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ cũng như hình ảnh công ty.

1.2. Việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ 16 (2015): kết quả thực hiện các nội dung chủ yếu của Nghị quyết như sau:

- a) Về hoạt động kinh doanh: như báo cáo phần trên đã nêu. Đã thực hiện việc chi cổ tức năm 2015 là 1500 đồng /cổ phần.
- b) Đã hoàn thành việc góp vốn và cùng với các đối tác tham gia chỉ đạo Công ty cổ phần Logistics Kim Thành (Lào Cai) triển khai đầu tư theo kế hoạch. Dự án này hiện đã bắt đầu đưa vào khai thác một phần các dịch vụ như kho hàng, bãi và cân điện tử trên các hạng mục thành phần đã được hoàn thành và năm 2015 đã có lãi.
- c) Tiếp tục hoàn thiện và sắp xếp lại tổ chức nhân sự, bộ máy kinh doanh, hình thành các Khối dịch vụ, tạo bộ máy chủ động và tập trung phát triển dịch vụ ở từng Khối, thống nhất quy trình kiểm soát chặt chẽ hơn quá trình thực hiện dịch vụ. Tổ chức hoạt động của 2 chi nhánh theo hướng chủ động và hiệu quả hơn đã mang lại kết quả tốt trong năm 2015.
- d) Đã thoái 19% vốn đầu tư tại Công ty LD LCM (Vietnam) theo cam kết của Hợp đồng Liên doanh.
- e) Một số khoản đầu tư và tạm ứng như : Dự án Kho bãi tại KCN Phú An Thạnh (Long An), Cải Mép chưa thực hiện được việc chuyển nhượng, hợp tác, thoái vốn, thu hồi do thị trường chưa thuận lợi, đất Nhơn Trạch đang thực hiện chuyển nhượng từng phần cho đối tác. Việc chuẩn bị đầu tư văn phòng , kho bãi mới thay thế cơ sở hiện tại vẫn đang xem xét tìm kiếm cơ hội phù hợp. Hiện tại trong vài năm tới nhu cầu này chưa thật cấp bách.
- f) Chưa thực hiện việc đầu tư trang thiết bị vận tải ... do tính toán thị trường chưa khả thi.
- g) Chưa chuyển đổi mô hình chi nhánh Hà Nội thành công ty con do đánh giá thấy chưa phù hợp.
- h) Sửa đổi Điều lệ công ty theo Luật Doanh nghiệp 2014 trình ĐHĐCĐ năm 2016 quyết định .

2. Tình hình tài chính

Báo cáo tình hình tài chính : xem nội dung trong Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán.

a. Tình hình tài sản

Tài sản trong năm không có biến động lớn, hầu hết tài sản đang được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả cao giúp đảm bảo chất lượng dịch vụ cơ bản của công ty .

Các khoản nợ phải thu hầu hết là các khoản nợ phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ và trong thời hạn thỏa thuận trong sự kiểm soát của Công ty.

b. Tình hình nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả chủ yếu là các khoản phát sinh trong thực hiện dịch vụ và trong thời hạn thỏa thuận.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý của công ty ổn định trong năm và luôn được cập nhật điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế.

4. Kế hoạch kinh doanh và phát triển năm 2016

Về kinh doanh và đầu tư:

Tình hình kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu năm 2016 dự kiến sẽ ổn định hơn song vẫn còn có nhiều khó khăn, các khoản chi phí đầu vào tiếp tục không ổn định theo xu hướng tăng; một số khoản chi phí cho người lao động tăng (thu nhập theo lạm phát, tỷ lệ đóng BHXH, BHYT, BH thất nghiệp ...) nhất là khoản đóng BHXH, BHYT và BHTN theo mặt bằng lương mới làm cho chi phí tăng thêm 3,5 tỷ, khó khăn từ tình hình kinh tế thế giới ... sẽ tiếp tục là những bài toán khó cho các nhà kinh doanh – sản xuất. Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro từ các công cụ

tài chính, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ, rủi ro do cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ tăng cao.

Trong bối cảnh chung như vậy mục tiêu nhiệm vụ kinh doanh chủ yếu của năm 2016 là: Phần đầu tiếp tục ổn định các mặt hoạt động, thực hiện các biện pháp linh hoạt tranh thủ khai thác các nguồn thu có thể, cố gắng đảm bảo kết quả kinh doanh trực tiếp (bao gồm cả thu từ sử dụng vốn ngắn hạn) có mức tăng 7% -10% so với năm 2015; ổn định các mảng Hàng không, hàng nhập, hàng xuất đường biển, tập trung phát triển dịch vụ Logistics (kể cả dịch vụ nội địa và tại thị trường Campuchia, Lào); chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động của Khối, chi nhánh; tìm kiếm và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới nhằm đa dạng hóa kinh doanh bảo đảm nguồn thu ổn định.

Một số biện pháp chung:

- + Công tác tập trung ổn định sản phẩm dịch vụ, phát triển hệ thống đại lý và tăng cường hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy quản lý và kinh doanh là nhiệm vụ trọng tâm của năm 2016. Trong đó, tập trung triển khai các biện pháp để ổn định và nâng cao hiệu quả dịch vụ: tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, quy trình quản lý và nghiệp vụ; tập trung củng cố chấn chỉnh bộ máy tổ chức quản lý và giải quyết tình hình công nợ tồn đọng; tiếp tục hoàn thiện nâng cao hiệu quả quản lý tổ chức kinh doanh của các dịch vụ tại TP.HCM, triển khai mở rộng các dịch vụ của Vinalink ở nước ngoài; rà soát lại trình độ, năng suất làm việc của đội ngũ nhân viên; đẩy mạnh hoạt động bán dịch vụ. Về mặt kinh doanh tiếp tục củng cố giữ vững thị phần của các dịch vụ Đường biển và Hàng không quốc tế; chú trọng các dịch vụ logistics của các dự án đầu tư xây dựng, dịch vụ với thị trường Campuchia; dịch vụ vận chuyển và cung ứng nội địa; triệt để cắt giảm các chi phí hành chính quản lý, thực hiện cơ chế chi trả lương, thưởng ... gắn với kết quả kinh doanh trong phạm vi toàn công ty với các hình thức phù hợp cho từng chức danh; triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ cùng với các hình thức khuyến mãi dịch vụ ... để giữ và tăng lượng dịch vụ. Tiếp tục tăng cường thực hiện tác đào tạo cho cán bộ quản lý và nhân viên.
- + Tăng cường hơn cho công tác marketing ở phạm vi công ty tạo môi trường cho việc bán dịch vụ ở các đơn vị, với các hình thức thích hợp như quảng cáo, quan hệ khách hàng và đối tác; tiếp tục củng cố các mối quan hệ đối tác với các đại lý ở các khu vực và tìm kiếm các đối tác mới.
- + Phát triển mạng lưới thông qua mở thêm văn phòng tại các khu vực trọng điểm còn thiếu đại diện (miền Trung).
- + Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tăng cường nhân sự có kinh nghiệm ... tạo ra nguồn phát triển dịch vụ mới.
- + Chuẩn bị Văn phòng công ty , văn phòng Chi nhánh Hà nội mới thay thế cho văn phòng hiện tại theo hướng có thể đầu tư trực tiếp (mua, xây dựng) hoặc thuê trên cơ sở tính toán hiệu quả kinh tế và sử dụng vốn.
- + Tiếp tục tìm kiếm đối tác để hợp tác khai thác hoặc chuyển nhượng nếu điều kiện thuận lợi đối với các diện tích đất tại KCN Phú An Thạnh (Long An), Nhơn Trạch (Đồng Nai).
- + Đầu tư mua sắm thay thế 5 xe vận tải, 10 romooc, 1 xe 4-7 chỗ thay thế cho số thanh lý và bổ sung phương tiện vận tải, giá trị đầu tư 10 tỷ đồng.
- + Chủ động khai thác tạo nguồn thu từ việc sử dụng vốn ngắn hạn. Tìm kiếm, hợp tác khai thác các cơ hội kinh doanh khác khi có điều kiện phù hợp với các quy định của pháp luật.
- + Giao cho HĐQT quyết định việc thoái vốn tại các công ty đã đầu tư khi có nhu cầu về vốn cho đầu tư và trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.
- + Giao cho HĐQT trên cơ sở cân đối vốn hợp lý quyết định việc mua lại không quá 10% cổ phiếu của công ty để làm cổ phiếu quỹ nhằm đảm bảo ổn định giá cổ phiếu, tạo nguồn cổ phiếu làm cơ sở hợp tác với cổ đông chiến lược và thực hiện chính sách nhân sự (khi có nhu cầu).
- + Thay đổi phương thức khuyến khích CBNV thông qua việc trích lập Quỹ Khen thưởng – Phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế sang việc quyết định mức chi cho việc khuyến khích hoàn thành tốt công việc hàng năm gắn với kết quả kinh doanh không quá 4% chênh lệch thu-chi chưa lương (không bao gồm thu từ lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh, liên kết)

tính vào chi phí kinh doanh, giao cho HĐQT và Tổng Giám đốc quyết định tiêu chí và mức chi cụ thể theo thẩm quyền.

- + Hợp tác chặt chẽ cùng các đối tác cùng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty liên doanh.
- + Tiếp tục hoàn thiện tiếp việc xây dựng hệ thống nhận diện và thương hiệu công ty .

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có ý kiến khác với ý kiến kiểm toán.

PHẦN IV – ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

HĐQT Công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, hoàn thành tốt các kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao. Trong năm 2015, ngoài các phiên họp chính thức, HĐQT đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nhiều quyết định và nội dung quản trị. HĐQT đã triển khai các nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả cụ thể trong hoạt động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động kinh doanh năm 2015 trong điều kiện tình hình kinh tế trong nước và thế giới có nhiều khó khăn, biến động phức tạp nhưng Công ty vẫn hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015 và thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Công tác tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty: Tổng Giám đốc tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty theo đúng các quy định được cho phép trong Giấy phép đăng ký kinh doanh, tuân thủ đúng luật pháp nhà nước và các quy định liên quan đến công ty cổ phần.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Định hướng kinh doanh : khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp.

- Cơ cấu lại mô hình tổ chức kinh doanh theo hướng chuyển các bộ phận có đủ điều kiện thành mô hình công ty con để nâng cao tính pháp lý và chủ động trong kinh doanh.

- Nghiên cứu và triển khai việc đầu tư kho bãi và văn phòng trong điều kiện mới cho phù hợp thực tế.

PHẦN V – QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2014-2019): 5 người.

Trong đó :

- Thành viên độc lập: 01 người
- Thành viên kiêm nhiệm: 03 người .

| STT | Họ và tên | Chức vụ tại Vinalink | Chức vụ tại Công ty khác | Tỷ lệ CP nắm giữ / VĐL (VNL) | |
|-----|----------------------|---------------------------------------|--|------------------------------|------------|
| | | | | 01/01/2015 | 31/12/2015 |
| 1 | Ông Nguyễn Nam Tiến | Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc | Phó Chủ tịch HĐQT Cty liên doanh LCM & FC | 1.00% | 1.00% |
| 2 | Ông Vũ Thế Đức | Phó Chủ tịch HĐQT | Chủ tịch HĐQT Cty Vinatrans | 2.60% | 4.20% |
| 3 | Ông Đinh Quang Ngọc | Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc | Ủy viên HĐQT Cty liên doanh LCM & FC | 0.13% | 0.13% |
| 4 | Bà Trần Thị Bình | Thành viên HĐQT Kế toán trưởng | | 0.62% | 0.62% |
| 5 | Ông Trương Minh Long | Thành viên HĐQT Thành viên độc lập | Tổng Giám đốc Cty Vinatrans | 1.12% | 1.12% |

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT không thành lập các tiểu ban chuyên môn của HĐQT mà phân công các thành viên HĐQT phụ trách các mảng công việc về Đầu tư – Phát triển, Tổ chức- Nhân sự và Lương - Thưởng.

- * Mảng công việc Đầu tư – Phát triển : Ông Nguyễn Nam Tiến - Chủ tịch HĐQT phụ trách
- * Mảng công việc Tổ chức – Nhân sự : Ông Vũ Thế Đức – Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT độc lập phụ trách
- * Mảng công việc Lương – Thưởng : Ông Trương Minh Long, thành viên HĐQT độc lập phụ trách

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- * Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thực hiện đúng theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- * Các thành viên HĐQT hoạt động theo phương thức không tập trung và thông qua các vấn đề được công khai tại các kỳ họp trực tiếp hoặc ý kiến bằng văn bản. Trong năm 2015, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 10 cuộc họp, trong đó có 3 cuộc họp tập trung và 7 cuộc họp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- * Nội dung và kết quả các cuộc họp thể hiện qua các Nghị quyết / Quyết định sau đây :

| STT | Các Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|------------|---|----------------------|
| 1 | 674/2015//NQ-VNL-HĐQT | 04/3/2014 | Quyết nghị về thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2015 & chi cổ tức đợt 2/2014 cho cổ đông; ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHCĐ 2015 và thanh toán cổ tức. | Lấy ý kiến qua email |
| 2 | 977/2015/NQ/VNL-HĐQT | 23/3/2014 | Thông qua phương án mua lại cổ phiếu VNL làm cổ phiếu quỹ. | Lấy ý kiến qua email |
| 3 | 1226/2015/NQ/VNL-HĐQT | 03/4/2015 | Điều chỉnh phương án mua lại cổ phiếu VNL làm cổ phiếu quỹ. | |
| 4. | 1556/2015/NQ-VNL-HĐQT | 22/04/2015 | Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên lần thứ 16 năm 2015 | |
| 5 | 1546/2015/NQ/VNL-HĐQT | 25/04/2015 | HĐQT giao kế hoạch kinh doanh 2015 cho Công ty Vinalink | |
| 6 | 1793/2015/QĐ/VNL-HĐQT | 06/05/2015 | Thanh toán cổ tức đợt 3/2014 theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2015 (tỉ lệ chi và thời gian thanh toán) | Lấy ý kiến qua email |
| 7 | 2927/2015/NQ/VNL-HĐQT | 17/06/2015 | - Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 | Lấy ý kiến qua email |
| 8 | 3273/2015/NQ/VNL-HĐQT | 26/06/2015 | - Thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Nhơn Trạch, Đồng Nai. | Lấy ý kiến qua email |
| 9 | 3776/2015/BB/VNL-HĐQT | 01/07/2015 | - Cho Công ty VNT Logistics vay vốn từ nguồn tiền tạm thời nhàn rỗi. | |
| 10 | 4210/2015/NQ/VNL-HĐQT | 03/08/2015 | - Góp vốn thành lập Công ty TNHH Vận tải Vinalink | Lấy ý kiến qua email |
| 11 | 4852/2015/NQ/VNL-HĐQT | 25/08/2015 | - Tạm ứng cổ tức đợt 1/2015 bằng tiền mặt cho cổ đông Vinalink (tỉ lệ 7%) | |
| 12 | 4874/2015/NQ/VNL-HĐQT | 25/08/2015 | - Xử lý khoản nợ khó đòi từ Cty CP Hàng Không Đông Dương (phát sinh năm 2009). | |
| 13 | 4983/2015/NQ/VNL-HĐQT | 28/08/2015 | - Bà Trần Thị Bình thôi giữ chức Kế toán trưởng Công ty từ ngày 01/09/2015 để chuẩn bị nghỉ hưu. | |
| 14 | 4984/2015/NQ/VNL-HĐQT | 28/08/2015 | - Bổ nhiệm Bà Nguyễn Anh Nam giữ chức Quyền Kế toán trưởng Công ty từ ngày 01/09/2015. | |
| 15 | 4984/2015/NQ/VNL-HĐQT | 08/10/2015 | - Thực hiện chuyển nhượng một phần vốn góp tại Công ty TNHH LCM (công ty liên doanh giữa Vinalink và Freight Consolidators Pte Ltd (FC Singapore). | Lấy ý kiến qua email |

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ CP nắm giữ/VĐL | |
|-------------------------|-----------|---------|----------------------|------------|
| | | | 01/01/2014 | 31/12/2014 |
| Ban Kiểm soát (3 người) | | | | |

| | | | | |
|---|-----------------------|----------------|-------|-------|
| 1 | Bà Vũ Thị Bình Nguyên | Trưởng BKS | 0.28% | 0.28% |
| 2 | Bà Phan Phương Tuyền | Thành viên BKS | 0.05% | 0.05% |
| 3 | Bà Trang Anh Xuân | Thành viên BKS | 0.94% | 0.94% |

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Kiểm soát và làm việc trực tiếp với các đoàn kiểm toán năm 2015 và kiểm tra báo cáo tài chính 2015.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1.1. Thù lao và quỹ HĐQT và BKS năm 2015 là 2% lợi nhuận sau thuế được phân phối, cụ thể như sau :

- Chủ tịch HĐQT : 10 triệu đồng/ quý
- Phó Chủ tịch HĐQT : 9 triệu đồng / quý
- Thành viên HĐQT : 8 triệu đồng /quý
- Trưởng BKS : 8 triệu đồng/quý
- Thành viên BKS : 2 triệu đồng /quý.

3.1.2. Tiền lương của Ban Giám đốc:

- Tổng Giám đốc : 50 triệu đồng / tháng
- Phó Tổng Giám đốc : 40 triệu đồng/ tháng
- Kế toán trưởng : 30 triệu đồng/ tháng

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|----------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Vũ Thế Đức | Phó chủ tịch HĐQT | 234,020 | 2.6% | 378,020 | 4.2% | Mua (ngày 16/06/2015) |

5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không phát sinh

6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

PHẦN VI – BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán DTL

1. Ý kiến của đơn vị kiểm toán
2. Báo cáo tài chính hợp nhất 2015 đã kiểm toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2015

Tổng Giám đốc



NGUYỄN NAM TIẾN

**CÔNG TY
CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 1 - 3 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán | |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 6 - 7 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 8 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 9 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 10 - 32 |

1302
Ct
KIE
D
7.1

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xi Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xi Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 09 năm 2015.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con là Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia).

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| Họ tên | Chức danh |
|----------------------|--------------|
| Ông Nguyễn Nam Tiến | Chủ tịch |
| Ông Vũ Thế Đức | Phó Chủ tịch |
| Bà Trần Thị Bình | Thành viên |
| Ông Đinh Quang Ngọc | Thành viên |
| Ông Trương Minh Long | Thành viên |

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <i>Họ tên</i> | <i>Chức danh</i> |
|-----------------------|------------------|
| Bà Vũ Thị Bình Nguyên | Trưởng ban |
| Bà Trang Anh Xuân | Thành viên |
| Bà Phan Phương Tuyền | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <i>Họ tên</i> | <i>Chức danh</i> |
|---------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Nam Tiến | Tổng Giám đốc |
| Ông Đinh Quang Ngọc | Phó Tổng Giám đốc |

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



Số: 16.132HN/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2016 từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
AUDIT | TAX | CONSULTING

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT-TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



HUỖNH THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2124-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 252.053.682.487 | 229.783.027.980 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | (5.1) | 133.330.165.061 | 140.920.449.173 |
| 1. Tiền | 111 | | 61.196.421.509 | 33.866.957.942 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 72.133.743.552 | 107.053.491.231 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 118.710.637.472 | 88.697.759.268 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | (5.2) | 111.535.621.609 | 82.868.705.306 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 1.311.727.432 | 2.445.901.190 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 900.000.000 | 900.000.000 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | (5.5) | 7.078.712.115 | 4.836.631.003 |
| 5. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | (5.6) | (2.115.423.684) | (2.353.478.231) |
| III. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 12.879.954 | 164.819.539 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 12.879.954 | 130.027.303 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | | 34.792.236 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 86.820.259.844 | 78.241.764.483 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 16.450.685.234 | 15.815.252.287 |
| 1. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | (5.3) | 7.973.352.207 | 7.973.352.207 |
| 2. Phải thu dài hạn khác | 216 | (5.5) | 8.477.333.027 | 7.841.900.080 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 10.480.952.208 | 9.261.277.874 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | (5.7) | 10.480.952.208 | 9.261.277.874 |
| + Nguyên giá | 222 | | 35.417.941.814 | 31.834.436.287 |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (24.936.989.606) | (22.573.158.413) |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | (5.4) | 59.888.622.402 | 53.045.342.485 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 59.162.472.402 | 52.319.192.485 |
| 2. Đầu tư dài hạn khác | 253 | | 726.150.000 | 726.150.000 |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | | 119.891.837 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | | 119.891.837 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 338.873.942.331 | 308.024.792.463 |

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 148.876.775.410 | 133.733.859.934 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 81.929.908.410 | 64.695.716.934 |
| 1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn | 311 | (5.8) | 33.896.253.212 | 28.039.005.778 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | (5.9) | 13.758.642.826 | 14.289.916.848 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | (5.10) | 10.776.037.133 | 10.127.741.221 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | (5.11) | 11.586.354.846 | 7.308.757.600 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | (5.12) | 4.307.798.566 | 1.343.334.200 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | (5.13) | 4.186.380.400 | 1.948.619.860 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | (5.14) | 3.418.441.427 | 1.638.341.427 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 66.946.867.000 | 69.038.143.000 |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | (5.15) | 34.000.000.000 | 36.000.000.000 |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | (5.13) | 32.946.867.000 | 33.038.143.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 189.997.166.921 | 174.290.932.529 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | (5.16.1) | 189.997.166.921 | 174.290.932.529 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 90.000.000.000 | 90.000.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 90.000.000.000 | 90.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 4.955.270.400 | 4.955.270.400 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 7.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| 4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | 43.804.284 | 8.306.704 |
| 5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 395.049.778 | 346.747.302 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | (5.16.4) | 87.603.042.459 | 72.980.608.123 |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước | 421a | | 50.967.510.152 | 22.807.782.910 |
| LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 36.635.532.307 | 50.172.825.213 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 338.873.942.331 | 308.024.792.463 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ THANH THANH

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN ANH NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC




NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 747.267.986.102 | 668.370.861.506 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | (6.1) | 747.267.986.102 | 668.370.861.506 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | (6.2) | 712.663.693.630 | 639.160.413.854 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 34.604.292.472 | 29.210.447.652 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | (6.3) | 16.628.711.408 | 8.294.601.434 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | (6.4) | 8.396.816.171 | 7.461.782.318 |
| <i>trong đó, chi phí lãi vay</i> | 23 | | | |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết | 24 | (6.5) | 15.892.236.339 | 45.010.626.160 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | (6.6) | 14.429.749.244 | 13.214.188.459 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 44.298.674.804 | 61.839.704.469 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 187.727.272 | 396.818.182 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 163.601.069 | 311.503.201 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 24.126.203 | 85.314.981 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 44.322.801.007 | 61.925.019.450 |
| 16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | (6.7) | 7.687.268.700 | 11.752.194.237 |
| 16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 36.635.532.307 | 50.172.825.213 |
| 17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số | 61 | | | |
| 17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ | 62 | | 36.635.532.307 | 50.172.825.213 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ | 70 | (5.16.3) | 3.696 | 5.123 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu của Công ty mẹ | 70 | (5.16.3) | 3.696 | 5.123 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ THANH THANH

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN ANH NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIÊN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 44.322.801.006 | 61.925.019.450 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BDSĐT | 02 | | 3.172.373.598 | 3.144.870.622 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 321.126.722 | |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (1.219.088.936) | (392.096.087) |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (22.033.270.832) | (45.390.741.776) |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 24.563.941.558 | 19.287.052.209 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (21.066.334.096) | (7.980.046.252) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | | 10.276.727.384 | 62.161.510.286 |
| Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 237.039.186 | 113.979.041 |
| Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (13.773.631.684) | (4.538.116.314) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | | 294.367.000 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (1.589.900.000) | (4.780.994.636) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (1.352.157.652) | 64.557.751.334 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (4.341.550.084) | (851.534.909) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 186.363.636 | 395.454.546 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | (30.000.000.000) | (900.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác | 24 | | 30.000.000.000 | |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (2.000.000.000) | |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 1.220.940.000 | 43.560.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 16.472.085.561 | 9.366.020.835 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 11.537.839.113 | 51.569.940.472 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (18.353.878.000) | (18.000.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (18.353.878.000) | (18.000.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | (8.168.196.539) | 98.127.691.806 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 140.920.449.173 | 42.537.241.656 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 577.912.427 | 255.515.711 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | | 133.330.165.061 | 140.920.449.173 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ THANH THANH

NGUYỄN ANH NAM



NGUYỄN NAM TIẾN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 09 năm 2015.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con, được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Ngoài ra, Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 Công ty còn có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 370 người (31/12/2014: 353 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ vận tải.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý vận tải hàng hóa hàng không, gửi hàng.

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

| <u>Tên công ty con</u> | <u>Địa chỉ</u> | <u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u> |
|--|---|--|-------------------------------------|
| Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia) | Số 144, Đường 169, Sangket Veal Vong, Khan 7 Makara, Phnom Penh, Vương quốc Campuchia | 100% | 100% |

1.6. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| <u>STT</u> | <u>Tên công ty</u> | <u>Địa chỉ</u> | <u>Quyền biểu quyết của Công ty</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u> |
|------------|---|--|-------------------------------------|----------------------------------|
| 1. | Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung | Số 184, Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng | 29,28% | 29,28% |
| 2. | Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina | Số 18A, Đường Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh | 25,00% | 9,15% |
| 3. | Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển | Số 44, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh | 50,00% | 51,00% |
| 4. | Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM | Số 30, Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh | 50,00% | 30,00% |
| 5. | Công ty TNHH RCL (Việt Nam) | Số 145-147, Đường Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh | 33,33% | 45,00% |

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

1.7. Danh sách các công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất

| <u>STT</u> | <u>Tên công ty</u> | <u>Địa chỉ</u> | <u>Quyền biểu quyết của Công ty</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u> |
|------------|-------------------------------------|---|-------------------------------------|----------------------------------|
| 1. | Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành | Lô KB13, Đường T5 Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, TP. Lào Cai | 30% | 30% |
| 2. | Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink | 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh | 40% | 40% |

Nguyên nhân không hợp nhất quyền lợi là do đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 công ty liên kết chưa phát sinh lợi nhuận để hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá hạch toán 22.000 VND/USD.
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá hạch toán 22.000 VND/USD.

4.2 Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Tập đoàn đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.23.

Tập đoàn áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.

4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.6 Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến tiền thuê đất, phí thuê văn phòng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

| | |
|---------------------------------|-------------|
| +Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| +Máy móc thiết bị | 05 - 08 năm |
| +Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 - 11 năm |
| +Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |

4.9 Đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác******Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên doanh sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên doanh sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác.***Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác***

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.10 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản phải trả cho chi phí hoa hồng nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.12 Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

4.13 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước của hợp đồng hợp tác kinh doanh từ đối tác. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian hợp tác trên hợp đồng.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.15 Doanh thu và thu nhập khác***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên doanh liên kết.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

4.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.20 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.21 Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN Công ty đang áp dụng là 22% đối với hoạt động kinh doanh chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

| | |
|--|-----|
| + Cước vận tải quốc tế | 0% |
| + Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức | 10% |

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.23 Số liệu so sánh

Như trình bày tại mục 4.2, từ năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn trong thông tư này nên để bảo đảm tính so sánh của các số liệu, một vài số liệu của bảng cân đối hợp nhất ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 đã được điều chỉnh lại, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Trích)

| | Đầu năm (Được báo cáo lại) | VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây) |
|-----------------------------------|-------------------------------|--|
| Đầu tư ngắn hạn | - | 900.000.000 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 900.000.000 | - |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 2.445.901.190 | 10.419.253.397 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 4.836.631.003 | 7.935.909.116 |
| Tài sản ngắn hạn khác | - | 4.297.077.967 |
| Trả trước cho người bán dài hạn | 7.973.352.207 | - |
| Phải thu dài hạn khác | 7.841.900.080 | - |
| Tài sản dài hạn khác | - | 445.544.000 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 14.289.916.848 | 50.289.916.848 |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 36.000.000.000 | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 1.948.619.860 | 34.241.398.507 |
| Phải trả dài hạn khác | 33.038.143.000 | 213.143.000 |

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích)

| | Năm trước (Được báo cáo lại) | VND Năm trước (Đã được báo cáo trước đây) |
|---|---------------------------------|--|
| Lãi cơ bản trên cổ phần và lấy suy giảm trên cổ phần | 5.123 | 5.575 |

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | VND | |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Tiền mặt | 6.377.576.689 | 3.756.290.340 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 54.818.844.820 | 30.110.667.602 |
| Các khoản tương đương tiền | 72.133.743.552 | 107.053.491.231 |
| Cộng | <u>133.330.165.061</u> | <u>140.920.449.173</u> |

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

5.2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

| | VND | |
|----------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | |
| Công nợ các đại lý nước ngoài | 29.120.779.993 | 14.780.844.880 |
| Công nợ Khối Đường biển | 2.782.054.201 | 3.955.684.764 |
| Công nợ Khối Hàng không | 4.796.161.506 | 16.904.999.797 |
| Công nợ Khối Logistics | 6.025.226.516 | 4.449.108.982 |
| Công nợ Khối Sale & Marketing | 11.221.908.533 | - |
| Công nợ của chi nhánh Hà Nội | 50.190.407.051 | 40.128.435.956 |
| <i>Cước</i> | 29.012.955.383 | 25.489.852.086 |
| <i>Dịch vụ</i> | 16.972.207.343 | 11.024.755.352 |
| <i>Thu trả hộ</i> | 4.205.026.694 | 3.613.828.518 |
| <i>Thu tạm ứng khách hàng</i> | 217.631 | - |
| Công nợ của chi nhánh Hải Phòng | 352.670.530 | 1.193.936.888 |
| Công ty con | 2.669.869.393 | 789.442.958 |
| Các khoản khác | 4.376.543.886 | 666.251.081 |
| Cộng | <u>111.535.621.609</u> | <u>82.868.705.306</u> |

5.3. Trả trước cho người bán dài hạn

Khoản trả trước cho người bán dài hạn là 2 khoản ứng trước như sau:

- Khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền là 3.087.000.000 đồng.
- Khoản ứng trước 18% giá trị hợp đồng cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An về việc thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với số tiền là 4.886.352.207 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.4. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết được chi tiết như sau:

| | | VND | |
|--|---------------|--|---|
| | Tỷ lệ lợi ích | Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến ngày 31/12/2015 | Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến ngày 31/12/2015 |
| Đầu tư vào công ty liên doanh: | | | |
| Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan) | 9,15% | 4.908.430.302 | 9.628.492.334 |
| Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM | 30% | 1.927.800.000 | 8.148.570.993 |
| Công ty TNHH RCL (Việt Nam) | 45% | 2.130.300.000 | 4.858.333.342 |
| Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators) | 51% | 3.680.051.500 | 8.244.286.759 |
| Cộng | | 12.646.581.802 | 30.879.683.428 |

| | | VND | |
|--|------------------|--|---|
| | Số lượng cổ phần | Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến ngày 31/12/2015 | Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến ngày 31/12/2015 |
| Đầu tư vào công ty liên kết: | | | |
| Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng) | 439.200 | 4.392.000.000 | 8.062.199.974 |
| Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành | 1.822.059 | 18.220.589.000 | 18.220.589.000 |
| | Tỷ lệ lợi ích | | |
| Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink | 40% | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Cộng | | 22.612.589.000 | 28.282.788.974 |

Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans với tỷ lệ là 9,81%.

5.5. Phải thu khác

| | VND | | | |
|--|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Cuối năm | | Đầu năm | |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn: | | | | |
| Tam ứng cho nhân viên làm hàng | 2.794.145.268 | - | 4.297.077.967 | - |
| Phải thu khác | 4.284.566.847 | - | 539.553.036 | - |
| Cộng | 7.078.712.115 | - | 4.836.631.003 | - |
| Dài hạn: | | | | |
| Đầu tư vào 127.132m ² đất ở Nhơn Trạch - Đồng Nai (*) | 7.558.347.027 | - | 7.396.356.080 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 918.986.000 | - | 445.544.000 | - |
| Cộng | 8.477.333.027 | - | 7.841.900.080 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

(*) Khoản phải thu dài hạn khác là khoản tạm ứng mua đất ở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do một số thành viên quản lý chủ chốt thay mặt Công ty đứng tên pháp lý - Xem thêm mục 7.

5.6. Nợ xấu

| | VND | | | |
|--|---------------|------------------------|---------------|------------------------|
| | Cuối năm | | Đầu năm | |
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | 4.608.468.176 | 2.493.044.492 | 4.183.009.513 | 1.829.531.282 |

Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo thời gian quá hạn được chi tiết như sau:

| | VND | | | |
|--------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Cuối năm | | Đầu năm | |
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Dư nợ từ 6 tháng - 1 năm | 1.714.737.558 | 1.200.316.291 | - | - |
| Dư nợ từ 1 - 2 năm | 2.125.355.082 | 1.062.215.541 | 1.418.486.040 | 932.726.370 |
| Dư nợ từ 2 - 3 năm | 292.757.464 | 87.827.239 | 1.410.137.064 | 678.707.669 |
| Dư nợ từ 3 - 4 năm | 175.864.816 | 52.759.445 | 606.057.476 | 181.817.243 |
| Dư nợ từ 4 - 5 năm | 299.753.256 | 89.925.976 | 456.545.400 | - |
| Dư nợ trên 5 năm | - | - | 291.783.533 | 36.280.000 |
| Cộng | 4.608.468.176 | 2.493.044.492 | 4.183.009.513 | 1.829.531.282 |

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|-------------------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 8.052.973.806 | 1.668.890.673 | 20.816.299.330 | 1.296.272.478 | 31.834.436.287 |
| Mua trong năm | - | - | 4.143.842.818 | 347.596.473 | 4.491.439.291 |
| Giảm khác | - | - | (907.933.764) | - | (907.933.764) |
| Số dư cuối năm | 8.052.973.806 | 1.668.890.673 | 24.052.208.384 | 1.643.868.951 | 35.417.941.814 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 6.920.408.914 | 1.105.467.179 | 13.626.144.078 | 921.138.242 | 22.573.158.413 |
| Khấu hao trong năm | 364.961.510 | 162.194.817 | 2.380.514.807 | 264.702.464 | 3.172.373.598 |
| Giảm khác | - | - | (808.542.405) | - | (808.542.405) |
| Số dư cuối năm | 7.285.370.424 | 1.267.661.996 | 15.198.116.480 | 1.185.840.706 | 24.936.989.606 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 1.132.564.892 | 563.423.494 | 7.190.155.252 | 375.134.236 | 9.261.277.874 |
| Tại ngày cuối năm | 767.603.382 | 401.228.677 | 8.854.091.904 | 458.028.245 | 10.480.952.208 |

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.850.309.931 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.8. Phải trả người bán

| | VND | | | |
|---------------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Cuối năm | | Đầu năm | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Các khoản phải trả người bán ngắn hạn | | | | |
| Văn phòng Hồ Chí Minh | 9.042.487.867 | 9.042.487.867 | 7.326.205.373 | 7.326.205.373 |
| Chi nhánh Hà Nội | 22.762.564.535 | 22.762.564.535 | 18.878.964.568 | 18.878.964.568 |
| Chi nhánh Hải Phòng | 1.078.183.398 | 1.078.183.398 | 1.820.722.933 | 1.820.722.933 |
| Công ty con | 1.013.017.412 | 1.013.017.412 | 13.112.904 | 13.112.904 |
| Cộng | <u>33.896.253.212</u> | <u>33.896.253.212</u> | <u>28.039.005.778</u> | <u>28.039.005.778</u> |

5.9. Người mua trả tiền trước

| | VND | |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn: | | |
| Công nợ đại lý nước ngoài | 10.434.333.702 | 13.124.950.615 |
| Các khoản khác | 3.324.309.124 | 1.164.966.233 |
| Cộng | <u>13.758.642.826</u> | <u>14.289.916.848</u> |

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | VND | | | |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Cuối năm |
| Phải nộp: | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 840.240.647 | 14.316.268.560 | 10.680.002.443 | 4.476.506.764 |
| Thuế TNDN | 8.871.727.530 | 9.341.791.615 | 13.773.405.989 | 4.440.113.156 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 101.695.767 | 1.688.249.588 | 1.639.118.763 | 150.826.592 |
| Tiền thuê đất và thuế đất | 47.446.452 | 5.477.762.952 | 5.525.209.404 | - |
| Các loại thuế khác | 266.630.825 | 4.643.280.063 | 3.201.320.267 | 1.708.590.621 |
| Cộng | <u>10.127.741.221</u> | <u>35.467.352.778</u> | <u>34.819.056.866</u> | <u>10.776.037.133</u> |

5.11. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2015 còn phải trả cho người lao động.

5.12. Chi phí phải trả

| | VND | |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Ngắn hạn | | |
| Chi phí hoa hồng | 1.425.691.527 | 1.343.334.200 |
| Cước vận chuyển, phí làm hàng | 2.882.107.039 | - |
| Cộng | <u>4.307.798.566</u> | <u>1.343.334.200</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.13. Phải trả khác

| | VND | |
|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Ngắn hạn: | | |
| Cổ tức phải trả | - | 353.878.000 |
| Hoa hồng phải trả đại lý | 3.423.255.071 | 759.727.675 |
| Thuế TNCN 10% hoa hồng bán hàng | 475.410.670 | 277.188.796 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 287.714.659 | 557.825.389 |
| Cộng | <u>4.186.380.400</u> | <u>1.948.619.860</u> |
| Dài hạn: | | |
| Tạm ứng tiền đền bù di dời (*) | 32.800.000.000 | 32.800.000.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 146.867.000 | 238.143.000 |
| Cộng | <u>32.946.867.000</u> | <u>33.038.143.000</u> |

(*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ Phần Đường Khánh Hội đã trả Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - xem thêm mục 10.

5.14. Quỹ khen thưởng phúc lợi

| | VND | |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số dư đầu năm | 1.638.341.427 | 2.026.945.703 |
| Trích lập trong năm | 3.370.000.000 | 4.067.000.000 |
| Sử dụng trong năm | (1.589.900.000) | (4.455.604.276) |
| Số dư cuối năm | <u>3.418.441.427</u> | <u>1.638.341.427</u> |

5.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản doanh thu cho thuê kho bãi nhận trước theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - xem thêm mục 10.

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.16. Vốn chủ sở hữu**5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

| | Đơn vị tính: Triệu đồng | | | | | | | | | | |
|--------------------------------------|--------------------------------|----------------------|-------------------------|--------------|----------------------------|------------------------------------|------------------------|-------------------------------|---------------|--------------------------|------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu | | | | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
| | | | | | | Quy đầu tư và phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | | |
| Số dư đầu năm trước | 90.000 | 5.203 | 5.000 | (197) | 17 | 2.147 | 120 | 1.516 | 50.978 | 154.784 | |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | - | - | - | 50.172 | 50.172 | |
| Lợi ích liên doanh, liên kết phân bổ | - | (248) | - | 197 | (17) | (2.147) | (120) | (1.168) | (5.092) | (8.595) | |
| Tăng khác | - | - | - | - | 8 | - | - | - | - | 8 | |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | - | - | - | (18.000) | (18.000) | |
| Trích lập quỹ | - | - | 1.000 | - | - | - | - | - | (5.067) | (4.067) | |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | - | - | - | (11) | (11) | |
| Số dư đầu năm nay | 90.000 | 4.955 | 6.000 | - | 8 | - | - | 348 | 72.980 | 174.291 | |
| Tăng vốn trong năm | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | - | - | - | 36.636 | 36.636 | |
| Tăng khác | - | - | - | - | 36 | - | - | 47 | 357 | 440 | |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | - | - | - | (18.000) | (18.000) | |
| Trích lập quỹ | - | - | 1.000 | - | - | - | - | - | (4.370) | (3.370) | |
| Số dư cuối năm | 90.000 | 4.955 | 7.000 | - | 44 | - | - | 395 | 87.603 | 189.997 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.16.2. Cổ phiếu

| | Năm nay | VND Năm trước |
|---|-----------|------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 9.000.000 | 9.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng: | 9.000.000 | 9.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 9.000.000 | 9.000.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu

5.16.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm nay | VND Năm trước |
|--|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận hợp nhất phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ | 36.635.532.307 | 50.172.825.213 |
| Trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi | (3.370.000.000) | (4.067.000.000) |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong năm | 9.000.000 | 9.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu (DEPS) | <u>3.696</u> | <u>5.123</u> |

5.16.4. Phân phối lợi nhuận

| | Năm nay | VND Năm trước |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm | 72.980.608.123 | 50.977.503.563 |
| Lợi nhuận sau thuế trong năm | 36.635.532.307 | 50.172.825.213 |
| Chia cổ tức | (18.000.000.000) | (18.000.000.000) |
| Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Hội đồng quản trị | (3.370.000.000) | (4.067.000.000) |
| Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | (1.000.000.000) | (1.000.000.000) |
| Khác | 356.902.029 | (5.102.720.653) |
| Cộng | <u>87.603.042.459</u> | <u>72.980.608.123</u> |

5.17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

| | Cuối năm | Đầu năm |
|--------------------|--------------|------------|
| Ngoại tệ các loại: | | |
| USD | 1.792.282,00 | 960.305,95 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | VND | |
|---------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu: | | |
| Dịch vụ hàng không | 157.745.347.425 | 141.012.987.685 |
| Dịch vụ đường biển | 85.573.746.150 | 91.750.825.563 |
| Dịch vụ logistics | 96.159.055.494 | 64.509.967.270 |
| Chi nhánh Hà Nội | 345.698.465.098 | 316.278.881.613 |
| Chi nhánh Hải Phòng | 51.850.860.892 | 52.450.024.609 |
| Công ty con | 10.240.511.043 | 2.368.174.766 |
| Cộng | <u>747.267.986.102</u> | <u>668.370.861.506</u> |

Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan - Xem thêm mục 8

| | | |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng) | 521.282.679 | 709.078.134 |
| Công ty TNHH RCL (Việt Nam) | 655.865.767 | 652.632.050 |
| Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển | - | 4.010.363 |
| Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật Koneike Vina (Japan) | 370.199.112 | 212.494.429 |
| Công ty NHH Điều khiển vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM | 65.402.945 | 34.611.522 |
| Cộng | <u>1.612.750.503</u> | <u>1.612.826.498</u> |

6.2. Giá vốn hàng bán

| | VND | |
|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn phòng hàng không | 150.311.867.257 | 134.304.848.298 |
| Giá vốn phòng đường biển | 76.067.343.849 | 83.267.513.216 |
| Giá vốn phòng logistics | 88.783.863.302 | 55.648.053.155 |
| Giá vốn chi nhánh Hà Nội | 340.421.219.947 | 312.639.235.441 |
| Giá vốn chi nhánh Hải Phòng | 51.404.051.568 | 51.458.239.106 |
| Giá vốn Công ty con | 5.675.347.707 | 1.842.524.638 |
| Cộng | <u>712.663.693.630</u> | <u>639.160.413.854</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | VND Năm trước |
|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 10.574.649.191 | 7.991.748.583 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 1.357.400.000 | - |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 4.696.662.217 | 302.852.851 |
| Cộng | <u>16.628.711.408</u> | <u>8.294.601.434</u> |

6.4. Chi phí tài chính

Là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện.

6.5. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết

| | Năm nay | VND Năm trước |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Lãi ghi nhận từ kết quả kinh doanh của Công ty liên doanh liên kết | 15.775.888.121 | 26.596.954.887 |
| Lãi từ bán phần vốn góp vào Công ty liên kết | 116.348.218 | 18.413.671.273 |
| Cộng | <u>15.892.236.339</u> | <u>45.010.626.160</u> |

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | VND Năm trước |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên | 6.935.265.615 | 6.573.724.361 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.761.598.952 | 4.174.227.876 |
| Các khoản chi phí QLDN khác | 2.732.884.677 | 2.466.236.222 |
| Cộng | <u>14.429.749.244</u> | <u>13.214.188.459</u> |

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm nay | VND Năm trước |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 7.687.268.700 | 11.752.194.237 |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | <u>7.687.268.700</u> | <u>11.752.194.237</u> |

(Phần tiếp theo ở trang 28)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Chi tiết thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

| | VND | |
|--|----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm | 44.322.801.007 | 61.925.019.450 |
| Cộng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2013 của Công ty con tại Campuchia | - | 202.484.420 |
| Cộng các khoản điều chỉnh tăng | 8.815.701.225 | 8.591.428.323 |
| - Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN | 8.815.701.225 | 8.578.788.594 |
| - Chi phí hoa hồng vượt mức khống chế | - | - |
| - Điều chỉnh thuế GTGT năm 2013 và phạt chậm nộp thuế | - | 12.639.729 |
| Cộng thu nhập từ bán Công ty liên kết theo báo cáo riêng | 486.023.344 | 30.360.000.000 |
| Trừ cổ tức được chia | (1.357.400.000) | - |
| Trừ phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh | (15.892.236.338) | (45.010.626.160) |
| Trừ các khoản điều chỉnh giảm khác | (1.431.331.597) | (612.597.490) |
| Trừ thu nhập khác chịu thuế suất 22% | - | (30.916.201.172) |
| Thu nhập từ công ty con phát sinh trong năm | (554.319.601) | 127.610.671 |
| Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính | 34.389.238.039 | 24.667.118.042 |
| Thuế suất thuế TNDN hiện hành | 22% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính | 7.565.632.369 | 4.933.423.608 |
| Cộng chi phí thuế TNDN từ thu nhập khác | - | 6.801.564.258 |
| Chi phí thuế TNDN trong năm | 7.565.632.369 | 11.734.987.866 |
| Điều chỉnh tăng chi phí thuế TNDN của năm trước | - | 18.603.635 |
| Trừ chi phí thuế công ty con đã nộp ở Campuchia | - | (44.546.572) |
| Cộng chi phí thuế TNDN từ công ty con | 121.636.331 | 43.149.308 |
| Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm | 7.687.268.700 | 11.752.194.237 |

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân công | 54.532.486.100 | 44.753.142.146 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.150.273.714 | 3.144.870.622 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 540.019.147.150 | 492.554.743.117 |
| Chi phí khác bằng tiền | 129.391.535.910 | 111.921.846.428 |
| Cộng | 727.093.442.874 | 652.374.602.313 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Thành phố Hồ Chí Minh
- Thành phố Hà Nội
- Khác bao gồm: Thành phố Hải Phòng và Vương quốc Campuchia

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | <u>Hồ Chí Minh</u> | | <u>Hà Nội</u> | | <u>Khác</u> | | <u>Loại trừ</u> | | <u>Đơn vị tính: Triệu đồng</u> | |
|---|--------------------|----------------|----------------|----------------|---------------|---------------|-----------------|----------------|--------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| | | | | | | | | | Tổng công | |
| Doanh thu hợp nhất | | | | | | | | | | |
| Từ khách hàng bên ngoài | 339.478 | 297.274 | 345.698 | 316.279 | 62.091 | 54.818 | - | - | 747.267 | 668.371 |
| Giữa các bộ phận | 3.424 | 793 | - | - | 1.798 | 1.943 | (5.222) | (2.736) | - | - |
| Cộng | 342.902 | 298.067 | 345.698 | 316.279 | 63.889 | 56.761 | (5.222) | (2.736) | 747.267 | 668.371 |
| Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | | | | | | | | | | |
| Kết quả của bộ phận | 12.271 | 11.512 | 5.277 | 3.640 | 2.627 | 844 | - | - | 20.175 | 15.996 |
| Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính | | | | | | | | | 20.175 | 15.996 |
| Thu nhập tài chính | | | | | | | | | 16.629 | 8.295 |
| Chi phí tài chính | | | | | | | | | (8.397) | (7.462) |
| Lợi nhuận khác | | | | | | | | | 24 | 85 |
| Phần lợi ích trong công ty liên doanh liên kết | | | | | | | | | 15.892 | 45.011 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | | | | | (7.687) | (11.752) |
| Lợi nhuận hợp nhất sau thuế | | | | | | | | | 36.636 | 50.173 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Đơn vị tính: Triệu đồng**Các thông tin khác**

| | <u>Hồ Chí Minh</u> | | <u>Hà Nội</u> | | <u>Khác</u> | | <u>Loại trừ</u> | | <u>Tổng cộng</u> | |
|------------------------------|--------------------|---------|---------------|---------|-------------|---------|-----------------|----------|------------------|----------------|
| | Cuối năm | Đầu năm | Cuối năm | Đầu năm | Cuối năm | Đầu năm | Cuối năm | Đầu năm | Cuối năm | Đầu năm |
| Tài sản của bộ phận | 272.597 | 264.579 | 51.981 | 49.743 | 40.714 | 29.892 | (26.419) | (36.189) | 338.873 | 308.025 |
| Tổng tài sản hợp nhất | | | | | | | | | 338.873 | 308.025 |

Nợ phải trả của bộ phận 113.690 111.359 47.111 45.537 14.494 13.027 (26.419) (36.189) 148.876 133.734

Tổng nợ phải trả hợp nhất**148.876 133.734**

| | <u>Hồ Chí Minh</u> | | <u>Hà Nội</u> | | <u>Khác</u> | | <u>Loại trừ</u> | | <u>Tổng cộng</u> | |
|-------------------------|--------------------|-----------|---------------|-----------|-------------|-----------|-----------------|-----------|------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí mua sắm tài sản | 2.280 | 91 | 1.844 | 749 | 218 | 11 | - | - | 4.342 | 851 |
| Chi phí khấu hao | 1.975 | 2.229 | 432 | 257 | 766 | 659 | - | - | 3.173 | 3.145 |

(Phân tiếp theo ở trang 31)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

| <u>Danh sách các bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|--|
| 1. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng) | Công ty liên kết |
| 2. Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành | Công ty liên kết |
| 3. Công ty Cổ phần Vận chuyển Vinalink | Công ty liên kết |
| 4. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan) | Công ty liên doanh |
| 5. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators) | Công ty liên doanh |
| 6. Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM | Công ty liên doanh |
| 7. Công ty TNHH RCL (Việt Nam) | Công ty liên doanh |
| 8. Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam (Vinatrans) | Phó Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch HĐQT |
| 9. Công ty Cổ phần Vinafreight | Phó chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT Công ty này |
| 10. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT Logistics) | Phó chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT Công ty này |
| 11. Công ty TNHH Sojitz Logistics Việt Nam | Thành viên HĐQT là thành viên HĐQT Công ty này |
| 12. Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Con Đường Việt | Thành viên HĐQT là thành viên HĐQT Công ty này |
| 13. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

- Giao dịch nội bộ giữa các Công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

| | Cuối năm | VND Đầu năm |
|------------------------------------|-----------------|------------------------|
| Phải thu - Xem thêm mục 5.5 | | |
| Một số thành viên quản lý chủ chốt | 7.558.347.027 | 7.396.356.080 |

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

| | Năm nay | VND Năm trước |
|-------------------------------------|----------------|--------------------------|
| Cung cấp dịch vụ - xem thêm mục 6.1 | 1.612.750.503 | 1.612.826.498 |
| Sử dụng dịch vụ | 2.228.311.908 | 2.339.624.480 |
| Cho vay | 30.000.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

- Thủ lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

| | VND | |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thủ lao Hội đồng quản trị | 687.000.000 | 331.500.000 |
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc | 1.949.844.808 | 1.870.455.358 |
| Cộng | 2.636.844.808 | 2.201.955.358 |

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

10. THUYẾT MINH KHÁC

Ngày 14 tháng 11 năm 2014, Công ty cổ phần Logistic Vinalink có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo đó, Công ty cổ phần Logistic Vinalink sẽ góp vốn bằng toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m², văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Công ty cổ phần Logistic Vinalink sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 22 tháng 03 năm 2016.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ THANH THANH

NGUYỄN ANH NAM

NGUYỄN NAM TIẾN